KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-8

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 14/06/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 14/06/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 21/06/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **NƯỚC SẠCH**
   VỊ TRÍ LẤY MẪU: VÒI SAU XỬ LÝ
   CNCN: BẮC BÌNH
   NGÀY LẤY MẪU: 13/06/2022
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa, bình Duran
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	LS	Bromat (BrO_3^-)/ Bromate (BrO_3^-)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-142	10
2	LS	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
3	LS	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
4	LS	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	30
5	LS	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2021	20
6	LS	Trifluralin (*) / Trifluraline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2021	20
7	LS	Isoproturon (*) / Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	9
8	LS	Benzene (*) / Benzen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-8

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
9	LS	Phenol and its derivatives (*) / Phenol và dẫn xuất phenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2021	1
10	LS	Monoclorobenzen (*) / Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
11	LS	Monocloramin / Monochloramine	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-92:2020	3
12	LS	Alachlor (*) / Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-109:2021	20
13	LS	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*) / 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
14	LS	1,2 - Dicloropropan (*) / 1,2 - Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
15	LS	1,3 - Dichloropropen (*) / 1,3 - Dichloropropen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
16	LS	2,4 - DB (*) / 2,4 - DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	90
17	LS	Clorotoluron / Clorotoluron	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-92:2020	30
18	LS	Dichlorprop / Dichlorprop	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-92:2020	100
19	LS	Fenoprop (*) / Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	9
20	LS	Simazine (*) / Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	2
21	LS	Molinate (*) / Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	6
22	LS	Mecoprop (*) / Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	10
23	LS	Hydroxyatrazine (*) / Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	200
24	LS	Pendimetalin (*) / Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	20

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-8

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
25	LS	Propanil (*) / Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	20
26	LS	Methoxychlor (*) / Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2021	20
27	LS	MCPA (*) / MCPA (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	2
28	LS	DDT (tổng p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE) / DDT (sum p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
29	LS	2,4-D (*) / 2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	30
30	LS	Bromodiclorometan (*) / Bromodichloromethane (*)	11.2	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
31	LS	Bromoform (*) / Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
32	LS	Chloroform (*) / Chloroform (*)	36.8	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
33	LS	Dibromoacetonitrile (*) / Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
34	LS	Dichloroacetonitrile / Dichloroacetonitrile	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	10	TS-KT-SK-92:2020	20
35	LS	Dichloroacetic acid / Dichloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-92:2020	50
36	LS	Monochloroacetic acid / Monochloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-92:2020	20
37	LS	Trichloroacetic acid / Trichloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	10	TS-KT-SK-92:2020	200
38	LS	Trichloroaxetonitril / Trichloroaxetonitril	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-92:2020	1

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-8

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
39	LS	Acrylamide / Acrylamide	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-92:2020	0.5
40	LS	Epiclohydrin / Epiclohydrin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.4	TS-KT-SK-92:2020	0.4
41	LS	Hexachlorobutadiene (*) / Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
42	LS	1,2-Diclorobenzen (*) / 1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
43	LS	Xylen (*) / Xylen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
44	LS	Toluen (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
45	LS	Styren (*) / Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
46	LS	Etylbenzen (*) / Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
47	LS	Tricloroeten (*) / Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
48	LS	Tetracloroeten (*) / Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
49	LS	Diclorometan (*) / Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
50	LS	Cacbontetraclorua / Cacbontetraclorua	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	2	TS-KT-SK-92:2020	2
51	LS	1,2-Dicloroetan (*) / 1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-8

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
52	LS	1,1,1-Tricloroetan (*) / 1,1,1-Tricloroetan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
53	LS	Cyanazine (*) / Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	0.6
54	LS	2,4,6-Triclorophenol (*) / 2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	200
55	LS	1,2-Dicloroeten (*) / 1,2-Dicloroeten (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
56	LS	Triclorobenzen (*) / Triclorobenzen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
57	LS	Focmaldehyt / Formaldehyde	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152 (Ref. SMEWW 6252 : 2017)	900
58	LS	Vinyl chloride (*) / Vinyl clorua (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3
59	LS	Clodane (tổng đồng phân -cis và -trans) / Chlordane (sum of cis- and trans- isomers)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	0.2
60	LS	Dibromoclorometan (*) / Dibromochloromethane (*)	2.28	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
61	LS	Atrazine và dẫn xuất chloro - S - triazine / Atrazine và dẫn xuất chloro - S - triazine	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-15:2021	100
62	LS	Staphylococcus aureus / Staphylococcus aureus	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	XP T90-412: 2006	<1
63	LS	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	<1

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

Trang/ *Page No*: 6/8

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-8

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
64	LS	Clorua (Cl^-) (*) / Chloride (Cl^-) (*)	18.8	mg/L	2.5	SMEWW 4500 (Cl^-) B:2017	250 (hoặc 300)
65	LS	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*) / Total dissolved solids (TDS) (*)	99.0	mg/L	3.0	SMEWW 2540 C:2017	1000
66	LS	Florua (F^-) (*) / Fluoride (F^-) (*)	0.439	mg/L	0.02	SMEWW 4500 (F^-) D:2017	1.5
67	LS	Sunfua (S^{2-}) (*) / Sulfide (S^{2-}) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.03	EPA 376.2	0.05
68	LS	Sunfat (SO_4^{2-}) (*) / Sulfate (SO_4^{2-}) (*)	3.97	mg/L	1.0	SMEWW 4500 (SO_4^{2-}) E:2017	250
69	LS	Chỉ số permanganate ($KMnO_4$) (*) / Permanganate index ($KMnO_4$) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mgO_2/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 E)	2
70	LS	Độ cứng tổng (tính theo $CaCO_3$)(*) / Total hardness (caculate $CaCO_3$) (*)	35.0	$mgCaCO_3/L$	2.17	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 E)	300
71	LS	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.2
72	LS	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	0.027	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.7
73	LS	Crom (Cr) (*) / Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.05
74	LS	Đồng (Cu) (*) / Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	1
75	LS	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.3
76	LS	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.1

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-8

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
77	LS	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	8.48	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	200
78	LS	Niken (Ni) (*) / Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.07
79	LS	Antimon (Sb) (*) / Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.02
80	LS	Selen (Se) (*) / Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.01
81	LS	Kẽm (Zn) (*) / Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	2
82	LS	Bor (B) (*) / Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
83	LS	Xyanua (CN^-) / Cyanide (CN^-)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	SMEWW 4500 (CN^-) B,D:2017	0.05
84	LS	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*) / Ammonium (NH_3 and NH_4^+ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
85	LS	Nitrit (NO_2^- tính theo N), $N\text{-}NO_2$ (*) / Nitrite (NO_2^- as N), $N\text{-}NO_2$(*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
86	LS	Nitrat (NO_3^- tính theo N), $N\text{-}NO_3$ (*) / Nitrate (NO_3^- as N), $N\text{-}NO_3$(*)	0.499	mg/L	0.005	SMEWW 4500 (NO_3^-) E:2017	2
87	LS	Hoạt độ phóng xạ alpha (*) / Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.01	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)	0.1
88	LS	Hoạt độ phóng xạ beta (*) / Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)	1
89	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-8

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
90	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
91	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01

Chú thích/ *Remarks*:

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-10

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 14/06/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 14/06/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 21/06/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **NƯỚC SẠCH**
   VỊ TRÍ LẤY MẪU: TRẠM Y TẾ HẢI NINH
   CNCN: BẮC BÌNH
   NGÀY LẤY MẪU:13/06/2022
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa, bình Duran
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	LS	Bromat (BrO_3^-)/ Bromate (BrO_3^-)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-142	10
2	LS	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
3	LS	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
4	LS	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	30
5	LS	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2021	20
6	LS	Trifluralin (*) / Trifluraline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2021	20
7	LS	Isoproturon (*) / Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	9
8	LS	Benzene (*) / Benzen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-10

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
9	LS	Phenol and its derivatives (*) / Phenol và dẫn xuất phenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2021	1
10	LS	Monoclorobenzen (*) / Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
11	LS	Monocloramin / Monochloramine	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-92:2020	3
12	LS	Alachlor (*) / Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-109:2021	20
13	LS	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*) / 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
14	LS	1,2 - Dicloropropan (*) / 1,2 - Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
15	LS	1,3 - Dichloropropen (*) / 1,3 - Dichloropropen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
16	LS	2,4 - DB (*) / 2,4 - DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	90
17	LS	Clorotoluron / Clorotoluron	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-92:2020	30
18	LS	Dichlorprop / Dichlorprop	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-92:2020	100
19	LS	Fenoprop (*) / Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	9
20	LS	Simazine (*) / Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	2
21	LS	Molinate (*) / Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	6
22	LS	Mecoprop (*) / Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	10
23	LS	Hydroxyatrazine (*) / Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	200
24	LS	Pendimetalin (*) / Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	20

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-10

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
25	LS	Propanil (*) / Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	20
26	LS	Methoxychlor (*) / Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2021	20
27	LS	MCPA (*) / MCPA (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	2
28	LS	DDT (tổng p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE) / DDT (sum p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
29	LS	2,4-D (*) / 2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	30
30	LS	Bromodiclorometan (*) / Bromodichloromethane (*)	2.61	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
31	LS	Bromoform (*) / Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
32	LS	Chloroform (*) / Chloroform (*)	46.2	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
33	LS	Dibromoacetonitrile (*) / Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
34	LS	Dichloroacetonitrile / Dichloroacetonitrile	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	10	TS-KT-SK-92:2020	20
35	LS	Dichloroacetic acid / Dichloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-92:2020	50
36	LS	Monochloroacetic acid / Monochloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-92:2020	20
37	LS	Trichloroacetic acid / Trichloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	10	TS-KT-SK-92:2020	200
38	LS	Trichloroaxetonitril / Trichloroaxetonitril	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-92:2020	1

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-10

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
39	LS	Acrylamide / Acrylamide	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-92:2020	0.5
40	LS	Epiclohydrin / Epiclohydrin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.4	TS-KT-SK-92:2020	0.4
41	LS	Hexachlorobutadiene (*) / Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
42	LS	1,2-Diclorobenzen (*) / 1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
43	LS	Xylen (*) / Xylen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
44	LS	Toluen (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
45	LS	Styren (*) / Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
46	LS	Etylbenzen (*) / Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
47	LS	Tricloroeten (*) / Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
48	LS	Tetracloroeten (*) / Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
49	LS	Diclorometan (*) / Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
50	LS	Cacbontetraclorua / Cacbontetraclorua	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	2	TS-KT-SK-92:2020	2
51	LS	1,2-Dicloroetan (*) / 1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-10

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
52	LS	1,1,1-Tricloroetan (*) / 1,1,1-Tricloroetan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
53	LS	Cyanazine (*) / Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	0.6
54	LS	2,4,6-Triclorophenol (*) / 2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	200
55	LS	1,2-Dicloroeten (*) / 1,2-Dicloroeten (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
56	LS	Triclorobenzen (*) / Triclorobenzen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
57	LS	Focmaldehyt / Formaldehyde	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152 (Ref. SMEWW 6252 : 2017)	900
58	LS	Vinyl chloride (*) / Vinyl clorua (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3
59	LS	Clodane (tổng đồng phân -cis và -trans) / Chlordane (sum of cis- and trans- isomers)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	0.2
60	LS	Dibromoclorometan (*) / Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
61	LS	Atrazine và dẫn xuất chloro - S - triazine / Atrazine và dẫn xuất chloro - S - triazine	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-15:2021	100
62	LS	Staphylococcus aureus / Staphylococcus aureus	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	XP T90-412: 2006	<1
63	LS	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	<1

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-10

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
64	LS	Clorua (Cl^-) (*) / Chloride (Cl^-) (*)	18.5	mg/L	2.5	SMEWW 4500 (Cl^-) B:2017	250 (hoặc 300)
65	LS	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*) / Total dissolved solids (TDS) (*)	81.0	mg/L	3.0	SMEWW 2540 C:2017	1000
66	LS	Florua (F^-) (*) / Fluoride (F^-) (*)	0.609	mg/L	0.02	SMEWW 4500 (F^-) D:2017	1.5
67	LS	Sunfua (S^{2-}) (*) / Sulfide (S^{2-}) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.03	EPA 376.2	0.05
68	LS	Sunfat (SO_4^{2-}) (*) / Sulfate (SO_4^{2-}) (*)	3.96	mg/L	1.0	SMEWW 4500 (SO_4^{2-}) E:2017	250
69	LS	Chỉ số permanganate ($KMnO_4$) (*) / Permanganate index ($KMnO_4$) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mgO_2/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 E)	2
70	LS	Độ cứng tổng (tính theo $CaCO_3$)(*) / Total hardness (caculate $CaCO_3$) (*)	33.5	$mgCaCO_3/L$	2.17	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 E)	300
71	LS	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.2
72	LS	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	0.028	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.7
73	LS	Crom (Cr) (*) / Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.05
74	LS	Đồng (Cu) (*) / Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	1
75	LS	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.3
76	LS	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.1

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-10

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
77	LS	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	8.36	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	200
78	LS	Niken (Ni) (*) / Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.07
79	LS	Antimon (Sb) (*) / Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.02
80	LS	Selen (Se) (*) / Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.01
81	LS	Kẽm (Zn) (*) / Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	2
82	LS	Bor (B) (*) / Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
83	LS	Xyanua (CN^-) / Cyanide (CN^-)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	SMEWW 4500 (CN^-) B,D:2017	0.05
84	LS	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*) / Ammonium (NH_3 and NH_4^+ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
85	LS	Nitrit (NO_2^- tính theo N), $N\text{-}NO_2$ (*) / Nitrite (NO_2^- as N), $N\text{-}NO_2$(*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
86	LS	Nitrat (NO_3^- tính theo N), $N\text{-}NO_3$ (*) / Nitrate (NO_3^- as N), $N\text{-}NO_3$(*)	0.492	mg/L	0.005	SMEWW 4500 (NO_3^-) E:2017	2
87	LS	Hoạt độ phóng xạ alpha (*) / Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.01	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)	0.1
88	LS	Hoạt độ phóng xạ beta (*) / Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)	1
89	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003

TSL SCIENCE CO.,LTD
Trụ sở HCM: 592A Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
Chi nhánh Cà Mau: Số 11 Đường 3/2, Phường 5, TP Cà Mau, Việt Nam

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-10

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
90	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
91	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01

Chú thích/ *Remarks*:

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-2

1. **Tên khách hàng**/ *Client's Name* : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP THOÁT NƯỚC BÌNH THUẬN**
2. **Địa chỉ**/ *Client's Address* : Số 137 Lê Hồng Phong, Khu phố 2, Phường Phú Trinh, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
3. **Ngày nhận mẫu**/ *Date sample(s) received* : 14/06/2022
4. **Ngày phân tích mẫu**/ *Date of Performance of Test* : 14/06/2022
5. **Ngày trả kết quả**/ *Date of Issue* : 21/06/2022
6. **Thông tin mẫu**/ *Name of Sample* : **NƯỚC SẠCH**
   VỊ TRÍ LẤY MẪU: TRƯỜNG MẪU GIÁO 19/5, HN
   CNCN BẮC BÌNH
   NGÀY LẤY MẪU: 13/06/2022
7. **Mô tả mẫu**/ *Sample Description* : Mẫu chứa trong chai nhựa, bình Duran
8. **Ghi chú**/ *Note* :
9. **Bảng kết quả**/ *Results Table* :

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
1	LS	Bromat (BrO_3^-)/ Bromate (BrO_3^-)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-142	10
2	LS	Aldicarb (*) / Aldicarb (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	10
3	LS	Carbofuran (*) / Carbofuran (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.2	TS-KT-SK-109:2020	5
4	LS	Chlorpyrifos (*) / Chlorpyrifos (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	30
5	LS	Permethrin (*) / Permethrin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2021	20
6	LS	Trifluralin (*) / Trifluraline (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2021	20
7	LS	Isoproturon (*) / Isoproturon (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	9
8	LS	Benzene (*) / Benzen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	10

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
9	LS	Phenol and its derivatives (*) / Phenol và dẫn xuất phenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-113:2021	1
10	LS	Monoclorobenzen (*) / Monochlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
11	LS	Monocloramin / Monochloramine	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-92:2020	3
12	LS	Alachlor (*) / Alachlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-109:2021	20
13	LS	1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*) / 1,2 - Dibromo - 3 Cloropropan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1
14	LS	1,2 - Dicloropropan (*) / 1,2 - Dichloropropane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
15	LS	1,3 - Dichloropropen (*) / 1,3 - Dichloropropen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1.67	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
16	LS	2,4 - DB (*) / 2,4 - DB (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	90
17	LS	Clorotoluron / Clorotoluron	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-92:2020	30
18	LS	Dichlorprop / Dichlorprop	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-92:2020	100
19	LS	Fenoprop (*) / Fenoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	9
20	LS	Simazine (*) / Simazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	2
21	LS	Molinate (*) / Molinate (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	6
22	LS	Mecoprop (*) / Mecoprop (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	10
23	LS	Hydroxyatrazine (*) / Hydroxyatrazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	200
24	LS	Pendimetalin (*) / Pendimethalin (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	20

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-2

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
25	LS	Propanil (*) / Propanil (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	20
26	LS	Methoxychlor (*) / Methoxychlor (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.07	TS-KT-SK-15:2021	20
27	LS	MCPA (*) / MCPA (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	2
28	LS	DDT (tổng p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE) / DDT (sum p,p´-DDT, o,p´-DDT, p,p´-DDE, p,p´-TDE)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	1
29	LS	2,4-D (*) / 2,4-D (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-109:2021	30
30	LS	Bromodiclorometan (*) / Bromodichloromethane (*)	13.0	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	60
31	LS	Bromoform (*) / Bromoform (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
32	LS	Chloroform (*) / Chloroform (*)	48.6	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
33	LS	Dibromoacetonitrile (*) / Dibromoacetonitrile (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	70
34	LS	Dichloroacetonitrile / Dichloroacetonitrile	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	10	TS-KT-SK-92:2020	20
35	LS	Dichloroacetic acid / Dichloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-92:2020	50
36	LS	Monochloroacetic acid / Monochloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-92:2020	20
37	LS	Trichloroacetic acid / Trichloroacetic acid	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	10	TS-KT-SK-92:2020	200
38	LS	Trichloroaxetonitril / Trichloroaxetonitril	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	1	TS-KT-SK-92:2020	1

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
39	LS	Acrylamide / Acrylamide	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-92:2020	0.5
40	LS	Epiclohydrin / Epiclohydrin	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.4	TS-KT-SK-92:2020	0.4
41	LS	Hexachlorobutadiene (*) / Hexachlorobutadiene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.6
42	LS	1,2-Diclorobenzen (*) / 1,2-Dichlorobenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	1000
43	LS	Xylen (*) / Xylen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	500
44	LS	Toluen (*) / Toluene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	700
45	LS	Styren (*) / Styrene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
46	LS	Etylbenzen (*) / Ethylbenzene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	300
47	LS	Tricloroeten (*) / Trichloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
48	LS	Tetracloroeten (*) / Tetrachloroethene (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	40
49	LS	Diclorometan (*) / Dichloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
50	LS	Cacbontetraclorua / Cacbontetraclorua	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	2	TS-KT-SK-92:2020	2
51	LS	1,2-Dicloroetan (*) / 1,2-Dichloroethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	30

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
52	LS	1,1,1-Tricloroetan (*) / 1,1,1-Tricloroetan (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	2000
53	LS	Cyanazine (*) / Cyanazine (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	0.6
54	LS	2,4,6-Triclorophenol (*) / 2,4,6-Trichlorophenol (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-109:2021	200
55	LS	1,2-Dicloroeten (*) / 1,2-Dicloroeten (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.67	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	50
56	LS	Triclorobenzen (*) / Triclorobenzen (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	20
57	LS	Focmaldehyt / Formaldehyde	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	3	TS-KT-SK-152 (Ref. SMEWW 6252 : 2017)	900
58	LS	Vinyl chloride (*) / Vinyl clorua (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.3	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	0.3
59	LS	Clodane (tổng đồng phân -cis và -trans) / Chlordane (sum of cis- and trans- isomers)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.1	TS-KT-SK-15:2020	0.2
60	LS	Dibromoclorometan (*) / Dibromochloromethane (*)	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-192:2021 (EPA Method 5021, ISO 20595:2018)	100
61	LS	Atrazine và dẫn xuất chloro - S - triazine / Atrazine và dẫn xuất chloro - S - triazine	Không phát hiện/ Not Detected	µg/L	0.33	TS-KT-SK-15:2021	100
62	LS	Staphylococcus aureus / Staphylococcus aureus	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	XP T90-412: 2006	<1
63	LS	Pseudomonas aeruginosa (*) / Pseudomonas aeruginosa (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2010)	<1

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-2

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
64	LS	Clorua (Cl^-) (*) / Chloride (Cl^-) (*)	18.8	mg/L	2.5	SMEWW 4500 (Cl^-) B:2017	250 (hoặc 300)
65	LS	Tổng chất rắn hòa tan (TDS) (*) / Total dissolved solids (TDS) (*)	75.0	mg/L	3.0	SMEWW 2540 C:2017	1000
66	LS	Florua (F^-) (*) / Fluoride (F^-) (*)	0.150	mg/L	0.02	SMEWW 4500 (F^-) D:2017	1.5
67	LS	Sunfua (S^{2-}) (*) / Sulfide (S^{2-}) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.03	EPA 376.2	0.05
68	LS	Sunfat (SO_4^{2-}) (*) / Sulfate (SO_4^{2-}) (*)	3.89	mg/L	1.0	SMEWW 4500 (SO_4^{2-}) E:2017	250
69	LS	Chỉ số permanganate ($KMnO_4$) (*) / Permanganate index ($KMnO_4$) (*)	0.455	mgO_2/L	0.2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993 E)	2
70	LS	Độ cứng tổng (tính theo $CaCO_3$)(*) / Total hardness (caculate $CaCO_3$) (*)	33.0	$mgCaCO_3/L$	2.17	TCVN 6224:1996 (ISO 6059:1984 E)	300
71	LS	Nhôm (Al) (*) / Aluminium (Al) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.2
72	LS	Bari (Ba) (*) / Barium (Ba) (*)	0.028	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.7
73	LS	Crom (Cr) (*) / Chromium (Cr) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.05
74	LS	Đồng (Cu) (*) / Copper (Cu) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	1
75	LS	Sắt (Fe) (*) / Iron (Fe) (*)	0.017	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.3
76	LS	Mangan (Mn) (*) / Manganese (Mn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.1

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-2

STT/ *No.*	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*		Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
77	LS	Natri (Na) (*) / Sodium (Na) (*)	8.48	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	200
78	LS	Niken (Ni) (*) / Nickel (Ni) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.07
79	LS	Antimon (Sb) (*) / Antimony (Sb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.02
80	LS	Selen (Se) (*) / Selenium (Se) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	0.01
81	LS	Kẽm (Zn) (*) / Zinc (Zn) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	TS-KT-QP-03:2019(Ref. TCVN 6665:2011 SMEWW 3120:2017)	2
82	LS	Bor (B) (*) / Boron (B) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.007	TS-KT-QP-03:2021	0.3
83	LS	Xyanua (CN^-) / Cyanide (CN^-)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.01	SMEWW 4500 (CN^-) B,D:2017	0.05
84	LS	Amoni (NH_3 và NH_4^+ tính theo N) (*) / Ammonium (NH_3 and NH_4^+ as N) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.2	TCVN 5988:1995	0.3
85	LS	Nitrit (NO_2^- tính theo N), $N\text{-}NO_2$ (*) / Nitrite (NO_2^- as N), $N\text{-}NO_2$(*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.005	TCVN 6178:1996 (ISO 6777:1984)	0.05
86	LS	Nitrat (NO_3^- tính theo N), $N\text{-}NO_3$ (*) / Nitrate (NO_3^- as N), $N\text{-}NO_3$(*)	0.513	mg/L	0.005	SMEWW 4500 (NO_3^-) E:2017	2
87	LS	Hoạt độ phóng xạ alpha (*) / Gross α-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.01	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)	0.1
88	LS	Hoạt độ phóng xạ beta (*) / Gross β-radioactivity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	Bq/L	0.13	TS-KT-QP-22:2021 (TCVN 8879:2011; ISO 10704:2009)	1
89	LS	Cadimi (Cd) (*) / Cadmium (Cd) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.003

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Mã số/ *Ref. No*: TSL1220600827-2

STT/ *No.*		Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ *Testing Analysis(s)*	Kết Quả/ *Result (s)*	Đơn Vị/ *Unit*	GHPH/ *LOD*	Phương Pháp Thử/ *Test Method*	QCVN 01-1:2018/BYT
90	LS	Thủy ngân (Hg) (*) / Mercury (Hg) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0002	TS-KT-QP-28:2021	0.001
91	LS	Chì (Pb) (*) / Lead (Pb) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01

Chú thích/ *Remarks*:

Nhận xét: Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT.

1.(*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(**): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (**): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limited of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

PHỤ TRÁCH KỸ THUẬT
TECHNICAL MANAGER

NGUYỄN HỮU TRUYỀN

GIÁM ĐỐC
DIRECTOR

M.S.D.N: 0314212615 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KHOA HỌC TSL
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỒ THỊ THANH PHƯƠNG

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng, tên mẫu theo khách hàng gửi / *Testing results in this test report are valid only for the sample(s) as received, sample's name as indicated of client.*
2. Báo cáo này không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không